



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<i>Chun</i>	9,0	Chun	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<i>Phan</i>	9,0	Chun	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<i>Dang</i>	8,0	Tam	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<i>Duyen</i>	8,0	Tam	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<i>Duyen</i>	9,0	Chun	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<i>Duyen</i>	4,0	ba	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<i>Duong</i>	7,5	ba	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<i>Duong</i>	8,5	Tam	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<i>Dao</i>	8,5	Tam	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<i>Hanh</i>	8,5	Tam	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<i>Hieu</i>	3,0	ba	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<i>Huyen</i>	7,0	ba	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<i>Lam</i>	7,0	ba	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<i>Linh</i>	6,5	Sau	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<i>Linh</i>	8,0	Tam	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<i>Long</i>	4,5	ba	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<i>Minh</i>	8,5	Tam	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002	<i>Nga</i>	7,0	ba	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<i>Ngan</i>	6,5	Sau	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<i>Nhan</i>	8,5	Tam	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<i>Phi</i>	7,0	ba	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<i>Phong</i>	7,5	ba	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<i>Quang</i>	5,5	Nam	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<i>Sakyna</i>	9,0	Chun	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<i>Tai</i>	9,0	Chun	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<i>Thao</i>	9,0	Chun	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<i>Thang</i>	7,0	ba	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<i>Thien</i>	6,5	Sau	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<i>Trang</i>	6,5	Sau	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<i>Trang</i>	5,0	Nam	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<i>Trang</i>	7,0	ba	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<i>Tran</i>	7,5	ba	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<i>Truyen</i>	8,5	Tam	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<i>Tuyết</i>	8,5	Tam	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	Văn	7,0	bay	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0 . Số bài thi: 35 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày: 19 tháng 4 năm... 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


AS Thuận Tuyền

TRƯỞNG

KHẢO

Ngày: 11 tháng 3 năm... 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<i>Chun</i>	9,0	<i>Chun</i>	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<i>Chau</i>	9,5	<i>Chau</i>	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<i>Dung</i>	8,5	<i>Tam</i>	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<i>Duyen</i>	8,5	<i>Tam</i>	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<i>Duyen</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Lâm	23/02/2002	<i>Lam</i>	9,0	<i>Chun</i>	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<i>Duong</i>	8,5	<i>Tam</i>	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<i>Duong</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<i>Dao</i>	9,0	<i>Chun</i>	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<i>Hanh</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<i>Hieu</i>	7,0	<i>Bay</i>	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<i>Huyen</i>	7,0	<i>Bay</i>	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<i>Lam</i>	8,5	<i>Tam</i>	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<i>Linh</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<i>Linh</i>	9,0	<i>Chun</i>	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<i>Long</i>	7,0	<i>Bay</i>	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yến Mi	06/07/2002	<i>Yen</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002	<i>Nga</i>	7,0	<i>Bay</i>	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<i>Ngan</i>	7,0	<i>Bay</i>	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<i>Nhan</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<i>Phi</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<i>Phong</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<i>Quang</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<i>Sakyna</i>	9,0	<i>Chun</i>	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<i>Tai</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<i>Thao</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<i>Thang</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<i>Thien</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<i>Trang</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<i>Trang</i>	8,0	<i>Tam</i>	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<i>Trang</i>	8,5	<i>Tam</i>	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<i>Tran</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<i>Truyen</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<i>Tuyet</i>	9,5	<i>Chun</i>	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	Văn	9,0	Chín	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 0 . Số bài thi: 35 / 35 .

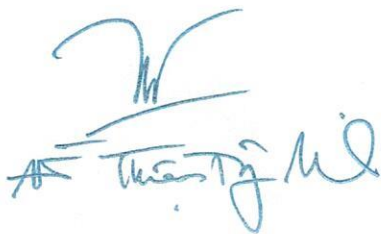
Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG

KHAI

Ngày: 11 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002		7,5	Bảy năm	C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002		6,5	Sáu năm	C22QT5	
3	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002		5,5	Năm năm	C22QT5	
4	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002		7,0	Bảy	C22QT5	
5	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002		6,0	Sáu	C22QT5	
6	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001		7,0	Bảy	C22QT5	
7	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020		6,0	Sáu	C22QT5	
8	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001		7,0	Bảy	C22QT5	
9	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002		8,0	Tám	C22QT5	
10	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002		8,0	Tám	C22QT5	
11	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001		6,5	Sáu năm	C22QT5	
12	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002		7,0	Bảy	C22QT5	
13	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001		7,5	Bảy năm	C22QT5	
14	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993		7,5	Bảy năm	C22QT5	
15	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002		6,5	Sáu năm	C22QT5	
16	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002		9,0	Chín	C22QT5	
17	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002		7,5	Bảy năm	C22QT5	
18	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002		6,5	Sáu năm	C22QT5	
19	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002		8,0	Tám	C22QT5	
20	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002		8,0	Tám	C22QT5	
21	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002		7,0	Bảy	C22QT5	
22	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002				C22QT5	
23	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001		7,0	Bảy	C22QT5	
24	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002		7,0	Bảy	C22QT5	
25	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002		7,0	Bảy	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01 . Số bài thi: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 12 tháng 04 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002		8,5	tam' nời	C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002		8,5	tam' nời	C22QT5	
3	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002		8,0	tam	C22QT5	
4	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002		7,5	Bảy nời	C22QT5	
5	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002		7,5	Bảy nời	C22QT5	
6	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001		7,5	Bảy nời	C22QT5	
7	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020		7,0	Bảy	C22QT5	
8	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001		7,5	Bảy nời	C22QT5	
9	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002		8,0	tam	C22QT5	
10	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002		9,0	Chín	C22QT5	
11	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001		9,0	Chín	C22QT5	
12	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002		9,0	Chín	C22QT5	
13	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001		9,0	Chín	C22QT5	
14	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993		9,0	Chín	C22QT5	
15	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002		9,0	Chín	C22QT5	
16	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002		9,5	Chín nời	C22QT5	
17	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002		8,5	tam' nời	C22QT5	
18	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002		8,5	tam' nời	C22QT5	
19	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002		9,0	Chín	C22QT5	
20	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002		8,5	tam' nời	C22QT5	
21	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002		7,0	bảy	C22QT5	
22	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002				C22QT5	
23	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001		7,5	bảy nời	C22QT5	
24	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002		8,0	tam	C22QT5	
25	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002		7,5	bảy nời	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01 . Số bài thi: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 02 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002		6,0	Sau	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002		8,5	Tam nio	C22QT6	
3	2010100179	Khương Nhất Hiếu	11/05/2001		7,0	bay	C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002		7,0	bay	C22QT6	
5	2010100182	Nguyễn Quang Hùng	27/09/2001		.		C22QT6	
6	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002		6,5	Sau nio	C22QT6	
7	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000		6,0	Sau	C22QT6	
8	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002		5,0	Nam	C22QT6	
9	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002		8,5	Tam nio	C22QT6	
10	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002		6,5 7,0	bay	C22QT6	
11	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002		6,5	Sau nio	C22QT6	
12	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002		6,5	Sau nio	C22QT6	
13	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002		7,5	bay nio	C22QT6	
14	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002		7,5	bay nio	C22QT6	
15	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002		5,0	Nam	C22QT6	
16	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999		7,0	bay	C22QT6	
17	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002		5,0	Nam	C22QT6	
18	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002		6,5	Sau nio	C22QT6	
19	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002		7,5	bay nio	C22QT6	
20	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002		7,5	bay nio	C22QT6	
21	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002		7,0	bay	C22QT6	
22	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002		8,5	Tam nio	C22QT6	
23	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002		5,0	Nam	C22QT6	
24	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002		8,5	Tam nio	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 14 Số bài thi: 23 / 23

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002		8,0	Tam	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002		9,5	Chín năm	C22QT6	
3	2010100179	Khuong Nhật Hiếu	11/05/2001		8,5	Tam năm	C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002		8,0	Tam	C22QT6	
5	2010100182	Nguyễn Quang Hùng	27/09/2001				C22QT6	
6	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002		7,0	Bảy	C22QT6	
7	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000		7,0	Bảy	C22QT6	
8	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002		6,0	Sáu	C22QT6	
9	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002		9,5	Chín năm	C22QT6	
10	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002		8,0	Tam	C22QT6	
11	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002		7,0	Bảy	C22QT6	
12	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002		7,0	Bảy	C22QT6	
13	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002		8,5	Tam năm	C22QT6	
14	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002		8,0	Tam	C22QT6	
15	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002		8,0	Tam	C22QT6	
16	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999		7,5	Bảy năm	C22QT6	
17	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002		8,0	Tam	C22QT6	
18	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002		8,0	Tam	C22QT6	
19	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002		9,0	Chín	C22QT6	
20	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002		9,0	Chín	C22QT6	
21	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002		8,0	Tam	C22QT6	
22	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002		9,5	Chín năm	C22QT6	
23	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002		7,5	Bảy năm	C22QT6	
24	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002		9,0	Chín	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 04 . Số bài thi: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 11 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: PZ96GX

Thời gian thi: 07/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 07/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Phạm Văn Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Văn Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>Phi</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
2	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>Phi</u>	5	Năm	C22QT5	
3	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>Pz</u>	5	Năm	C22QT4	
4	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT6	
5	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	
6	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002	<u>Tien</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT6	
7	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Trâm</u>	5.8	Năm, tám	C22QT6	
8	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>Trân</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT4	
9	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>Trang</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
10	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>Trang</u>	7	Bảy	C22QT4	
11	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>Trang</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
12	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triều</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT6	
13	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
14	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<u>Truyền</u>	7	Bảy	C22QT4	
15	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<u>Thanh Tuyết</u>	5.8	Năm, tám	C22QT4	
16	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<u>Văn</u>	6	Sáu	C22QT4	
17	2010100140	Trần Ngọc Thủy Vi	24/09/2001	<u>Thủy Vi</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
18	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<u>Vy</u>	5.8	Năm, tám	C22QT5	
19	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<u>Xuyên</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 19

Số sinh viên đạt: 19

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 08 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Đơn



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1:

Phạm Văn Dũng

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 2:

Trần Thị Hoa

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<i>Phi</i>				C22QT4	
2	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<i>Phi</i>				C22QT5	
3	2010010042	Đình Chấn Phong	08/09/2002	<i>Phong</i>				C22QT6	
4	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<i>Phong</i>				C22QT4	
5	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<i>Phuong</i>				C22QT6	
6	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002	<i>Tien</i>				C22QT6	
7	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<i>Trang</i>				C22QT4	
8	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<i>Trang</i>				C22QT4	
9	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<i>Trang</i>				C22QT4	
10	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<i>Tram</i>				C22QT6	
11	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trần	27/07/2002	<i>Tran</i>				C22QT4	
12	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<i>Triều</i>				C22QT6	
13	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<i>Trung</i>				C22QT5	
14	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<i>Truyen</i>				C22QT4	
15	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<i>Tuyết</i>				C22QT4	
16	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<i>Van</i>				C22QT4	
17	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<i>Vi</i>				C22QT5	
18	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<i>Vy</i>				C22QT5	
19	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyến	27/02/2002	<i>Xuyen</i>				C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 00 . Số bài thi/Số tờ: 19 / 1 .

Số sinh viên đạt: 19 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 8 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: VS

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần Thị Hoa

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002	<u>[Signature]</u>	/	/		C22QT5	
2	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
3	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT5	
4	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
5	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
6	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
7	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
8	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
9	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
10	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
11	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
12	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT6	
13	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT6	
14	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT5	
15	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
16	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT5	
17	2010100179	Khương Nhật Hiếu	11/05/2001	/	/	/		C22QT6	
18	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
19	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT6	
20	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
21	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT5	
22	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001	/	/	/		C22QT5	
23	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT5	
24	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT6	
25	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
26	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
27	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
28	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
29	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>[Signature]</u>				C22QT6	
30	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT6	
31	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT4	
32	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	chh				C22QT6	
34	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	Minh				C22QT6	
35	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	Ng				C22QT4	
36	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	ngan				C22QT4	
37	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	Nghĩa				C22QT6	
38	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	vn				C22QT4	
39	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	Nhi				C22QT6	
40	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	Oanh				C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 37 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 37 / .

Số sinh viên đạt: 37 Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



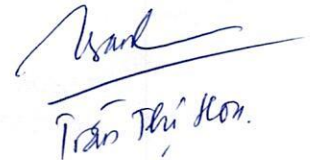
ThS. Hồ Thiện Thông Minh



Ngày 08 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: 5XA3RX

Thời gian thi: 07/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 07/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: N.T.N Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	
3	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22QT4	
4	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT5	
5	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT4	
6	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT6	
7	2010100116	Hồ Thị Thủy Dung	11/05/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thủy Dương	10/10/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22QT4	
9	2010100129	Lâm Thủy Dương	17/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT4	
10	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT4	
11	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT4	
12	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT4	
13	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT5	
14	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22QT4	
15	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
16	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C22QT4	
17	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT6	
18	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT4	
19	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
20	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT5	
21	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT5	
22	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
23	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT4	
24	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT4	
25	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
26	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT4	
27	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT6	
28	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT4	
29	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT6	
30	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT6	
31	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
32	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT4	
33	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT4	
34	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT6	
35	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT4	
36	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
37	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 37

Số sinh viên đạt: 37

Ngày 19 tháng 4 năm 2021**TRƯỜNG KHOA/PHÒNG**

(ký & ghi rõ họ tên)

**ThS. Hồ Thiện Thông Minh**Ngày 08 tháng 4 năm 2021**GIẢNG VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 07/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Nguyễn T. Dũng

Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 2: Châu Lê Sơn

Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100107	Đào Võ Xuân	Quang	12/02/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT4	
2	2010100189	Nguyễn Đình	Quốc	14/08/1999	<i>[Signature]</i>			C22QT6	
3	2010100169	Bùi Ngọc	Quyên	06/12/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT6	
4	2010100180	Sakyna	22/12/2002	<i>[Signature]</i>				C22QT4	
5	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	12/01/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT6	
6	2010100164	Nguyễn Hoàng	Sơn	24/04/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
7	2010100137	Phan Hữu	Tài	30/10/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT4	
8	2010100170	Lê Văn	Tâm	07/08/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT6	
9	2010100181	Lê Minh	Tân	06/09/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT6	
10	2010100141	Nguyễn Trí	Thanh	11/04/2001	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
11	2010130025	Châu Thanh	Thảo	26/07/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
12	2010100153	Hồ Đỗ Trung	Thảo	15/09/2001	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
13	2010100118	Lê Huỳnh Thu	Thảo	12/12/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT4	
14	2010100155	Nguyễn Thuận	Thảo	26/12/1993	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
15	2010100161	Phạm Thị Thu	Thảo	11/02/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
16	2010100160	Tô Loan	Thảo	18/04/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
17	2010100162	Phạm Thị Hồng	Thắm	02/10/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
18	2010100157	Võ Hồng	Thắm	09/03/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
19	2010100133	Trần Quốc	Thắng	03/10/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT4	
20	2010100110	Trương Minh	Thiện	22/11/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT4	
21	2010100152	Nguyễn Tuệ	Thư	01/09/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
22	2010100145	Võ Ngọc Anh	Thư	29/10/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT5	
23	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	06/03/2002	<i>[Signature]</i>			C22QT6	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt: 23 Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 18 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯC
KHA

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: 7AWB4K

Thời gian thi: 07/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 07/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Nguyễn Đức Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 2: Châu Lê Cầu Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<u>[Chữ ký]</u>	7	Bảy	C22QT4	
2	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>[Chữ ký]</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT6	
3	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
4	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C22QT4	
5	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C22QT6	
6	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
7	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
8	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
9	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT6	
10	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT5	
11	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<u>[Chữ ký]</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT5	
12	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT4	
13	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>[Chữ ký]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	
14	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C22QT5	
15	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>[Chữ ký]</u>	5	Năm	C22QT5	
16	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT5	
17	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT5	
18	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
19	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>[Chữ ký]</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT5	
20	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>[Chữ ký]</u>	7	Bảy	C22QT4	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<u>[Chữ ký]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
22	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
23	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
Trần Thị Hoa